

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9 -2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Vinh

2. Ông Nguyễn Lý Xuyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2018, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thu H, sinh năm: 1999

HKTT: Tổ dân phố Tân Nhuệ, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Phố Yên Ninh, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Võ Trần Phong H1, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: 60A/12 Lê Hồng Phong, tổ dân phố Lộc Thành, phường Cam Lộ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thu H trình bày: Chị và anh H1 có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Thụy Phương, quận B, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2018, cấp ngày 04/9/2018.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc,

nhưng đến cuối năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị phát hiện anh H1 sử dụng chất kích thích, chị lo sợ nên bỏ về cha mẹ chị sinh sống. Một thời gian sau anh H1 hứa thay đổi và chị tha thứ quay về chung sống nhưng thời gian gần đây chị biết anh H1 vẫn còn sử dụng ma túy nên chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Võ Trần Phong H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2019, bị đơn anh Võ Trần Phong H1 trình bày:

Anh và chị Đỗ Thu H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Thụy Phương, quận B, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2018, cấp ngày 04/9/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn về tài chính gia đình, từ tháng 4/2019 chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại Hà Nội. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa, nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý, anh yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung nên không xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.

Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị H, Võ Trần Phong H1.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phan Thị B, Võ Minh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Võ Trần Phong H1 và chị Đỗ Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất

cả các đương sự.

[1.2] Chị Đỗ Thu H yêu cầu ly hôn anh Võ Trần Phong H1. Yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H và anh H1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Thụy Phương, quận B, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2018, cấp ngày 04/9/2018. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng được một thời gian ngắn, do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, xảy ra xung đột, thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn chung sống với nhau đã lâu, không còn quan tâm nhau, chị H yêu cầu ly hôn anh Võ Trần Phong H1. Tại bản tự khai ngày 03/7/2019 anh H1 thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa và đồng ý ly hôn chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn anh H1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Đỗ Thu H và anh Võ Trần Phong H1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thu H và anh Võ Trần Phong H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Đỗ Thu H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thu H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thu H được ly hôn anh Võ Trần Phong H1.

2. *Về con chung:* Chị Đỗ Thu H và anh Võ Trần Phong H1 không có con chung nên không xét.

3. *Về tài sản chung*: Chị Đỗ Thu H và anh Võ Trần Phong H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Đỗ Thu H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000396 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Đỗ Thu H đã nộp đủ.

Chị Đỗ Thu H, anh Võ Trần Phong H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Thụy Phương, quận B, TP Hà Nội.
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy